

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-3-2019
V/v ly hôn, nuôi con chung giữa chị N và
anh Đ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hải Sơn;

Ông Nguyễn Văn Hoạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 04 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/TLST- HNGĐ ngày 18/02/2019 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/02/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1995; địa chỉ: Xóm 8, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định “có mặt”.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm 8, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20 tháng 12 năm 2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – chị Phạm Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Hoàng Văn Đ đăng ký kết hôn ngày 27/12/2012 tại ủy ban nhân dân xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau. Vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị N làm đơn đề nghị Tòa án cho ly hôn anh Đ.

Về nuôi con chung: Chị N khai nhận vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Hoàng Ngọc L, sinh ngày 17/01/2014, hiện đang sống cùng chị N. Nay ly hôn chị N có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và công nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình tố tụng bị đơn – anh Hoàng Văn Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ có lời khai phù hợp với lời trình bày của chị N về thời gian vợ chồng kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và công nhận vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì anh theo đạo Thiên Chúa không được bỏ nhau nên anh Đ không đồng ý ly hôn, còn nếu chị N quyết tâm ly hôn, anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh Đ xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Ngọc L, sinh ngày 17/01/2014, hiện đang sống cùng chị N. Nếu phải ly hôn anh Đ nhất trí giao con cho chị nuôi dưỡng và anh tự có trách nhiệm đi lại thăm nom chăm sóc con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Anh Đ khai nhận vợ chồng sẽ tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc làm ăn không bố trí được thời gian tham dự phiên tòa nên anh Đ đề nghị Tòa án được vắng mặt tại phiên xét xử của Tòa án và xin giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong bản tự khai.

Tại phiên tòa: Chị N có mặt giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên. Anh Đ vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Về thủ tục tố tụng: anh Hoàng Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*

Cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị N và anh Hoàng Văn Đ trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã HT, huyện

HH, tỉnh Nam Định tổ chức đăng kí kết hôn ngày 27 tháng 12 năm 2012 là hoàn toàn hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Đ là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình và quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không thống nhất trong công việc làm ăn và có sự khác nhau về hoàn cảnh cũng như điều kiện sinh hoạt. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau và đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm kể từ đầu năm 2018 đến nay. Chị N làm đơn xin ly hôn, anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không nhất trí ly hôn với lý do ràng buộc tôn giáo. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh Đ là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị N để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về nuôi con chung*: Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay và yêu cầu của các bên thì thấy: cháu Hoàng Ngọc L, sinh ngày 17/01/2014 hiện nay đang do chị N nuôi dưỡng, giáo dục; chị N có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Anh Đ nhất trí đề nghị Tòa án giao con cho chị N nuôi dưỡng. Do đó, cần giao con chung là cháu Hoàng Ngọc L cho chị Phạm Thị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và chấp nhận ý kiến tự nguyện của chị Phạm Thị N không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về chia tài sản và công nợ chung*: Chị N và anh Đ không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn*: Chị Phạm Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Hoàng Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Ngọc L, sinh ngày 17/01/2014 cho chị Phạm Thị N là người nuôi dưỡng trực tiếp đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình. Anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị N, trừ trường hợp chị N, anh Đ có yêu cầu khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí dân sự:

Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000306 ngày 18/02/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hải Hậu. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản ;
- VKSND tỉnh+huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- UBND xã HT: 01 bản;
- Cấp cho đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng